

CHƯƠNG TRÌNH PHỔ THÔNG CẤP I CẢI CÁCH 5 NĂM Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM (1956-1959)

NGUYỄN THUÝ QUỲNH*

Ngay từ khi ra đời, Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm đến sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục nói chung và giáo dục vùng dân tộc thiểu số nói riêng. Trong quá trình thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai năm 1956, giáo dục vùng dân tộc thiểu số tiếp tục nhận được sự quan tâm đặc biệt. Theo chủ trương cải cách, hệ thống giáo dục phổ thông 10 năm từng bước được xác lập thay cho hệ thống giáo dục phổ thông 9 năm và các trường Trung, Tiểu học thuộc hệ thống giáo dục 12 năm. Song, căn cứ vào tình hình thực tế của các tỉnh miền núi, thay vì việc thực hiện chương trình cấp I trong 4 năm như ở các tỉnh miền xuôi, Đảng và Nhà nước đã chủ trương thực hiện chương trình cấp I trong 5 năm ở miền núi nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục. Chủ trương thực hiện chương trình này đã được nhắc đến trong một số ít công trình nghiên cứu về giáo dục khi viết về giáo dục miền Bắc và cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tuy nhiên, nội dung, quá trình thực hiện cũng như kết quả của chương trình này như thế nào thì chưa được các nhà nghiên cứu đề cập, phân tích cụ thể, chi tiết trong các công trình nghiên cứu trước đây. Trên cơ sở những tài liệu khai thác được, đặc biệt là từ tài liệu lưu trữ, bài viết nghiên cứu về sự ra đời, nội dung khung chương trình,

việc triển khai trong thực tiễn và đưa ra một số nhận xét về kết quả, đặc điểm, tác động của chương trình cấp I 5 năm ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam trong quá trình thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai vào những năm cuối thập niên 50 của thế kỉ XX.

1. Sự ra đời của chương trình phổ thông cấp I 5 năm ở các tỉnh miền núi phía Bắc

Sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc Việt Nam năm 1954, ngành giáo dục đứng trước nhiều khó khăn, thử thách, số người mù chữ trên miền Bắc lên tới hơn 3 triệu người, phần lớn là người dân lao động trong vùng mới giải phóng. Ở cấp học phổ thông, hệ thống giáo dục 9 năm trong kháng chiến chống Pháp không còn phù hợp với tình hình mới, hệ thống 12 năm do Pháp để lại còn mang nặng ảnh hưởng của nền giáo dục thực dân cần phải xóa bỏ. Trước yêu cầu thực tiễn đặt ra, ngành giáo dục phải có sự chuyển hướng mạnh mẽ nhằm giải quyết ngay trong thời gian tương đối ngắn nhiều nhiệm vụ thuộc về tổ chức và nội dung chương trình học và chấm dứt sự thiếu thống nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân. Bởi vậy, năm 1956, Đảng và Chính phủ chủ trương thực hiện cải cách giáo dục lần thứ hai. Cuộc cải cách giáo dục năm 1956 thể hiện chủ trương cải cách hệ thống giáo dục mang tính chất xã hội chủ nghĩa và chủ yếu tập trung vào ngành giáo dục phổ thông.

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Về cơ cấu tổ chức hệ thống trường phổ thông 10 năm, cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai năm 1956 xác định gồm 3 cấp:

- Cấp I: 4 năm, từ lớp 1 (1) đến lớp 4.
- Cấp II: 3 năm, từ lớp 5 đến lớp 7.
- Cấp III: 3 năm, từ lớp 8 đến lớp 10.

Về biên chế niên học: Niên học phổ thông bao gồm 9 tháng học trong nhà trường (chia ra làm từng học kỳ để việc học đỡ căng thẳng và tiện việc ôn tập, tổng kết kinh nghiệm) và 3 tháng nghỉ hè. Niên học khai giảng ngày 1-9 năm trước và kết thúc ngày 31-5 năm sau với số tuần thực học từ 33 đến 35 tuần, học sinh được nghỉ hè vào những tháng nóng nhất (6, 7, 8).

Về hạn tuổi đối với học sinh cấp I: Học sinh muốn được học lớp 1, ít nhất phải đủ 7 tuổi, học lớp 2 phải đủ 8 tuổi, lớp 3 đủ 9 tuổi, lớp 4 đủ 10 tuổi tính đến ngày 1-9 năm vào học. Hạn tuổi tối đa cho mỗi lớp là độ tuổi ít nhất theo quy định cho các lớp cộng thêm 4 tuổi. Nữ sinh so với nam sinh được gia hạn tuổi thêm một năm, học sinh miền núi thì được gia hạn tuổi thêm hai năm.

Đối với miền núi - nơi có nhiều thành phần dân tộc, phong tục tập quán, tình hình kinh tế - xã hội cũng như điều kiện học tập của học sinh cũng có một số điểm khác so với học sinh miền xuôi. Bên cạnh đó, chất lượng học sinh miền núi sau khi hòa bình lập lại nhìn chung còn kém hơn so với học sinh miền xuôi, có nơi kém hơn rất nhiều. Hoàn cảnh đi học của học sinh miền núi gặp rất nhiều khó khăn do điều kiện địa hình, trường lớp phân tán. Mặt khác, học sinh còn gặp phải “rào cản” về mặt ngôn ngữ. Học sinh cấp II và cấp III miền núi đã được trang bị những kiến thức cơ bản và sử dụng tương đối thành thạo tiếng phổ thông nhưng số học sinh cấp I hiểu được tiếng phổ thông còn ít đã ảnh hưởng nhiều đến chất lượng học tập nói chung. Vì vậy, nếu rút ngắn ngay thời gian học tập của học sinh cấp I từ 5 năm xuống 4 năm

theo chủ trương cải cách thì sẽ gây khó khăn với học sinh miền núi. Bên cạnh đó, giáo trình bằng ngôn ngữ các dân tộc chưa xây dựng và để chương trình cải cách được thực hiện dễ dàng, phù hợp hơn với miền núi, Bộ Giáo dục đã đề nghị với Thủ tướng Chính phủ tăng thời hạn học ở các trường cấp I miền núi là 5 năm và được Phủ Thủ tướng thông qua ngày 28-7-1956 trong Nghị định số 1027-TTG. Nội dung Nghị định quy định rõ: “Riêng đối với miền núi, vì tình hình có khác, cho nên thời hạn học ở cấp 1 miền núi là 5 năm” (2).

Như vậy, từ niên học 1956-1957, một số lớp phổ thông mới sẽ học chương trình chuyển tiếp do Bộ Giáo dục ấn định. Riêng chương trình cấp I ở miền núi, xuất phát từ thực tế địa phương và nhằm nâng cao chất lượng của các trường phổ thông thuộc vùng dân tộc, Chính phủ chủ trương thực hiện chương trình 5 năm. Ngoài ra, việc thực hiện chương trình này còn nhằm mục đích rút ra kinh nghiệm cần thiết để có cơ sở chỉnh lý nội dung chương trình phù hợp.

2. Nội dung chương trình phổ thông cấp I 5 năm ở các tỉnh miền núi phía Bắc

Nội dung chương trình trường phổ thông 10 năm ở miền Bắc Việt Nam “được xây dựng trên cơ sở học tập kinh nghiệm về nội dung dạy học của Liên Xô, phần nào của Trung Quốc” và được cải tiến “không có ban chuyên khoa như chương trình của Pháp hay chương trình Hoàng Xuân Hãn” (3). Ở cấp I, mỗi tiết học được quy định cụ thể cho các môn từ 25 đến 45 phút, tổng số thời gian trong tuần là 1.050 phút. Số tiết học ở cấp II và III là 29-30 tiết/tuần, sau đó rút xuống còn 24 tiết đối với cấp II, 25 tiết đối với cấp III, mỗi tiết học 45 phút, tổng số thời gian học trong tuần là 1.125 phút. So với chương trình phổ thông 9 năm thì hệ thống chương trình phổ thông 10 năm nặng hơn về khối lượng kiến thức và số tiết học.

Nội dung chương trình cấp I 5 năm ở miền núi tương tự như nội dung chương trình cấp I 4 năm ở miền xuôi nhưng khác về cách thức phân phối chương trình và thời gian thực hiện được kéo dài thêm 1 năm. Mục đích của chương trình cấp I 5 năm ở miền núi nhằm tăng cường giờ quốc văn cho học sinh, đồng thời kéo dài thời gian thực hiện chương trình để học sinh có điều kiện học tập thêm về tiếng phổ thông và tiếp thu kiến thức các bộ môn khác được dễ dàng hơn. Ngoài ra, chế độ nghỉ hàng năm cũng có thể thay đổi và một vài trường hợp cần thiết có thể tăng thêm hạn để thích hợp với hoàn cảnh sản xuất và phong tục tập quán ở miền núi.

Chương trình dành cho các trường miền núi chỉ học tiếng phổ thông hay học cả tiếng dân tộc và tiếng phổ thông được xây dựng trên cơ sở 4 nguyên tắc:

1. Lấy chương trình cấp I 4 năm làm cơ sở phân chia ra làm 5 năm trên cơ sở tôn trọng yêu cầu của cấp học để bảo đảm tính chất bình đẳng về giáo dục giữa các dân tộc.

2. Chương trình phải phù hợp với tâm sinh lý học sinh miền núi, phản ánh được thực tế các vùng dân tộc để nội dung được phong phú và giảng dạy có hiệu quả.

3. Chương trình phải nêu được quá trình đấu tranh của các dân tộc anh em trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước chống áp bức của đế quốc và phong kiến, đấu tranh chinh phục thiên nhiên, để củng cố tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, nâng cao lòng tự tôn dân tộc, tránh tư tưởng dân tộc hẹp hòi, do đó trong nội dung các môn quốc văn, sử, địa phải chú trọng đến những áng văn, những thành tích của các dân tộc anh em.

4. Đối với các dân tộc đã có chữ viết thì giảng dạy bằng tiếng nói và chữ viết của dân tộc ấy là chính; chữ quốc ngữ và tiếng phổ thông thì chỉ cần dạy cho các em có một trình độ tối thiểu để theo học các trường cấp II. Đối với các dân tộc chưa có

văn tự riêng, thì việc giảng dạy được tiến hành bằng tiếng phổ thông và chữ quốc ngữ, trong đó chú ý phát triển tiếng dân tộc trong các giờ ngoại khóa (4).

Do chương trình của cấp I (4 năm) tương đối hoàn chỉnh và có hệ thống nên không thể chia đều ra 5 năm. Để khắc phục điều này, chương trình 5 năm được phân chia như sau: chương trình ba lớp đầu: lớp 1, lớp 2, lớp 3 nói chung không thay đổi nhiều (5); chương trình lớp 4 được chia làm 2 năm (lớp 4B và lớp 4A) nhằm giảm tải hệ thống kiến thức lớp 4 tương đối nặng cho học sinh miền núi. Ngoài chương trình 5 năm dạy bằng tiếng phổ thông, Bộ Giáo dục cũng đã vạch ra dự án chương trình 5 năm dạy bằng tiếng dân tộc.

Chỉ thị số 1116 PT/C1 của Bộ Giáo dục *Về chương trình, kế hoạch giảng dạy niên khóa 1958-1959 ở các trường 5 năm miền núi*, ngày 28-8-1958, quy định tuần thực học niên khóa 1958-1959 cho các trường 5 năm là 29 tuần, Tết Âm lịch vẫn nghỉ 15 ngày (5 ngày trước tết và 10 ngày sau tết), thời gian chia học kỳ thống nhất với các trường 4 năm. Theo kế hoạch chung, ngày thứ 5 hàng tuần không học văn hóa buổi sáng để tổ chức cho học sinh lao động sản xuất, buổi chiều dành cho Hội đồng giáo viên họp. Chương trình thủ công sẽ được dạy kết hợp vào những buổi lao động sản xuất, tùy theo giáo viên bố trí. Mặc dù tuần thực học ít hơn năm 1957-1958 nhưng chương trình các môn vẫn giữ nguyên, không giảm nhẹ về yêu cầu và kiến thức. Riêng môn Toán lớp 3, 4B và 4A vẫn đảm bảo số tiết theo chương trình cũ để các em có nhiều thì giờ học kỹ hơn. Số phút quy định cho mỗi tiết vẫn giữ như học kỳ II năm 1957-1958, riêng tiết chính tả và ngữ pháp lớp 3, 4A và 4B quy định là 60 phút để giáo viên có thể giảng thêm, củng cố hoặc kiểm tra về ngữ pháp (*Xem Bảng 1, 2*). Các lớp 1, 2 không có giờ kể chuyện thời

Bảng 1: Kế hoạch giảng dạy cấp I 5 năm (niên khóa 1958-1959)

Stt	Các môn	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4B		Lớp 4A	
		Tiết	Phút	Tiết	Phút	Tiết	Phút	Tiết	Phút	Tiết	Phút
1	Tập đọc	5	175	5	175	4	200	2	100	2	100
2	Học thuộc lòng	2	70	2	70	1	35	1	50	1	
3	Kể chuyện	1	35	1	35	1	50	1	50	1	
4	Chính tả ngữ pháp	3	105	3	105	2	110	2	110	2	
5	Tập làm văn	2	70	2	70	2	100	2	100	2	
6	Viết tập	3	75	3	75	1	35				
7	Toán	5	175	5	175	4	200	4	200	4	200
8	Sử							1	50	4	100
9	Địa							1	50	2	50
10	Khoa học							1	50	11	50
11	Thời sự chính sách					1	35	1	35	1	35
12	Vẽ	1	25	1	25	1	35	1	35	1	35
13	Thể dục	3	45	3	45	3	45	3	45	3	45
14	Sinh hoạt tập thể	1	30	1	30	1	30	1	30	1	30
15	Lao động sản xuất		120		120		120		180		150
	Cộng	26	925	26	925	21	995	21	1085	22	1135

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Bộ Giáo dục, Hồ sơ số 2992: *Chỉ thị công văn, báo cáo của Bộ Giáo dục và Nha GDPT chỉ đạo việc thực hiện chương trình giáo dục cấp I 5 năm ở miền núi năm học 1958-1959.*

sự ghi trong thời khóa biểu, nhưng mỗi tuần các trường tổ chức một lần nói chuyện dưới cờ. Môn Quốc văn lớp 4B và lớp 4A thì dùng chung trong quyển Tập đọc lớp 4 và Tập đọc miền núi bổ sung cho lớp 3, 4.

Nếu so sánh với kế hoạch giảng dạy học kỳ II năm 1957-1958 thì đến năm học 1958-1959, các lớp 1, 2 giảm 75 phút, lớp 3 giảm 50 phút, lớp 4B giảm 35 phút, lớp 4A tăng 15 phút.

Để chuẩn bị cho công tác thí điểm ở miền núi, Nha Giáo dục phổ thông đã có sự chuẩn bị tương đối về phương diện chuyên môn và hướng dẫn thực hiện từng bước chương trình 5 năm. Ngoài chương trình 5 năm dạy bằng tiếng phổ thông, Bộ Giáo dục đã đề ra dự án chương trình 5 năm dạy bằng tiếng dân tộc, trong đó, yêu cầu của các môn Sử, Địa, Khoa học, Toán... đều giống như chương trình dạy bằng tiếng phổ thông, riêng môn tiếng phổ thông thì yêu cầu toàn cấp sẽ xấp xỉ trình độ lớp 3 của chương trình 4 năm.

Việc biên soạn sách giáo khoa cũng là một trong những nội dung quan trọng của cải cách giáo dục. Về nội dung cũng như

hình thức, sách giáo khoa phải đảm bảo việc thực hiện chương trình cho nên việc biên soạn sách giáo khoa được tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ. Việc biên soạn sách được tập trung vào một cơ quan duy nhất ở cấp Trung ương. Bộ Giáo dục đã thành lập Ban soạn sách và có kế hoạch giải quyết vấn đề một cách quy mô và có hệ thống. Tài liệu giáo khoa cho học sinh phổ thông đều dùng chung cho cả hai chương trình 4 năm và 5 năm, không có sách giáo khoa dành riêng cho chương trình 5 năm. Ngoài ra, Bộ Giáo dục cũng cung cấp thêm tài liệu về Quốc văn, Sử, Địa thích hợp cho việc dạy học ở miền núi như giao thêm cho các trường dạy chương trình 5 năm tài liệu sử dân tộc, tài liệu quốc văn 2 tập cho lớp 4B, còn các lớp 1, 2, 3 và 4A thì chưa có khả năng giải quyết.

3. Thực hiện chương trình phổ thông cấp I 5 năm ở các tỉnh miền núi phía Bắc

Từ năm học 1956-1957, Khu tự trị Thái Mèo đã cho thí điểm thực hiện chương trình 5 năm dạy bằng tiếng Thái nhưng lại gặp khó khăn về chữ Thái. Vì vậy, sau này các trường phải dựa vào chương trình 5 năm tiếng phổ thông mà thêm một số giờ

Bảng 2: Thời gian ấn định cho mỗi tiết

Các môn	Thời gian mỗi tiết (Đơn vị: phút)	
	Lớp 1, 2	Lớp 3, 4B và 4A
Tập đọc, Chính tả, Tập làm văn	35	30
Chính tả, Ngữ pháp	35	60
Học thuộc lòng	35 (cả lớp 3)	50 (4B và 4A)
Kể chuyện	35	50
Toán	35	50
Sử, Địa, Khoa học		50
Viết tập, Vẽ	25	35
Thời sự chính sách		35
Thể dục	15	15
Sinh hoạt tập thể	30	30
Lao động sản xuất (sáng thứ 5)	120	180

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Bộ Giáo dục, Hồ sơ số 2992: *Chỉ thị công văn, báo cáo của Bộ Giáo dục và Nha GDPT chỉ đạo việc thực hiện chương trình giáo dục cấp I 5 năm ở miền núi năm học 1958-1959.*

tiếng dân tộc cho những vùng mà dân tộc đó đã có văn tự nhưng chưa thể soạn sách giáo khoa cho các trường phổ thông.

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục, trong niên khóa 1957-1958, Nha Giáo dục phổ thông đã chính thức tổ chức thực hiện chương trình phổ thông cấp I 5 năm ở 7 tỉnh miền núi phía Bắc và Khu tự trị Thái Mèo. Những trường được chọn làm thí điểm phải có đủ những điều kiện sau:

1. Trường ở nơi mà học sinh ít biết hoặc không biết tiếng Kinh, chất lượng còn kém, phong tục tập quán cũ còn nặng nề có trở ngại ít nhiều đến việc đi học đều đặn của học sinh.

2. Tình hình chính trị được ổn định, đoàn kết dân tộc căn bản được bảo đảm.

3. Nơi có cơ sở giáo dục tương đối phát triển, nhân dân cũng đã quan tâm đến việc học tập của con em, trường đã có đến lớp 4 (6).

Sau 1 năm chính thức thực hiện, công tác thí điểm thực hiện chương trình cấp I 5 năm ở miền núi phía Bắc đã thu được một số kết quả nhất định nhưng chưa đủ để rút ra những kết luận cần thiết để Bộ Giáo dục có căn cứ đánh giá được chủ trương nên Nha Giáo dục quyết định tiến hành thêm một năm nữa, nhưng diện thí điểm được

thu hẹp hơn, tập trung chỉ đạo vào một số địa phương nhất định để rút kinh nghiệm được tốt như ấn định thực hiện ở các trường Tân Dân và Hạ Lang tỉnh Cao Bằng; trường Trùng Quán tỉnh Lạng Sơn; trường Mường La ở Khu tự trị Thái Mèo... Nơi nào mà có một dân tộc chiếm đa số thì đặt thí điểm trước ở đó, như ở Lạng Sơn, Cao Bằng thì thí điểm với người Thổ, ở Hòa Bình thì thực hiện thí điểm đối với người Mường. Nơi có nhiều dân tộc thì có thể chọn một trường có nhiều học sinh thuộc nhiều dân tộc, hoặc có thể chọn 2 trường để thí điểm. Những tỉnh năm trước chọn trường thí điểm không bảo đảm tiêu chuẩn và thực tế còn yếu thì không tiếp tục thực hiện (7).

Để đảm bảo tốt công tác thí điểm, Nha Giáo dục đã đề ra kế hoạch tiến hành một cách thận trọng, trước hết là chú ý đến vấn đề đoàn kết dân tộc (8). Các địa phương chọn trường thí điểm cố gắng tiến hành ở các vùng dân tộc khác nhau nhưng ở những nơi tình hình chính trị ổn định, tránh phát triển thí điểm tràn lan và phải bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ. Để làm được điều này, Nha Giáo dục phổ thông đã tổ chức tiến hành theo các bước như sau:

1. Tổ chức Hội nghị bàn về thực hiện chủ trương thí nghiệm chương trình 5 năm miền núi. Mục đích của Hội nghị là làm cho các địa phương thông suốt chủ trương, nắm vững tiêu chuẩn chọn trường thí nghiệm, cũng như kế hoạch tiến hành thí điểm.

2. Kết hợp với trại hè, giải thích chung ở những địa phương về chủ trương thực hiện chương trình 5 năm miền núi của Bộ Giáo dục; riêng những địa phương được ấn định thí nghiệm có cuộc họp với các Hiệu trưởng để chọn trường và thảo luận cụ thể hơn với những giáo viên ở trường thí nghiệm để nắm vững chủ trương cũng như hướng dẫn cụ thể về các vấn đề chuyên môn.

3. Tranh thủ ý kiến của Đảng bộ và chính quyền địa phương về tiêu chuẩn chọn trường

thí điểm, đồng thời báo cáo chủ trương chung thực hiện chương trình 5 năm miền núi để tranh thủ sự giúp đỡ của Đảng và chính quyền đối với công tác tuyên truyền trong nhân dân kể cả học sinh, phụ huynh học sinh trong phạm vi các trường thí điểm.

Năm 1958-1959, 8 tỉnh miền núi phía Bắc tiến hành thí điểm với số trường, số lớp và số học sinh *như bảng 3*:

Bảng 3: Số lượng trường, lớp và học sinh của các tỉnh miền núi phía Bắc năm học 1958-1959 (9)

Khu tự trị Thái Mèo	1 trường	3 lớp	155 học sinh
Hòa Bình	1 trường	1 lớp	108 học sinh
Cao Bằng	2 trường	14 lớp	555 học sinh
Lạng Sơn	1 trường	4 lớp	114 học sinh
Bắc Kạn	1 trường	4 lớp	93 học sinh
Tuyên Quang	1 trường	5 lớp	110 học sinh
Yên Bái	1 trường	4 lớp	117 học sinh

Theo thống kê, miền núi phía Bắc có 8 trường được thí điểm với 35 lớp và 1.252 học sinh (10). Nhiều nơi có kế hoạch tiến hành từng bước và thực hiện tốt như: Cao Bằng, Lạng Sơn, Hòa Bình đã giúp cho ngành giáo dục rút được kinh nghiệm quý báu. Mặt khác, một số nơi, công tác thực hiện thí điểm còn tồn tại nhiều khó khăn, hạn chế. Đối với công tác chuyên môn, mặc dù Nha Giáo dục có sự hướng dẫn và có chuẩn bị chương trình và tài liệu, nhưng nhiều Ty Giáo dục đã tiến hành chậm, không nắm vững chuyên môn trong khi thực hiện. Có nơi không nắm vững tiêu chuẩn chọn trường, như Ty Giáo dục Yên Bái đã chọn một trường gần như miền xuôi, không điển hình cho các trường miền núi. Về biên chế niên học, một số nơi thực hiện chưa đúng quy trình. Một số trường hợp cụ thể như ở Bắc Kạn và Tuyên Quang, có trường cho các em lớp 2 lên lớp 4B, sau khi vào học không theo kịp lại cho xuống học lớp 3. Điều này đã gây ra thắc mắc đối với học sinh và phụ huynh. Sau đó, Nha Giáo dục phổ thông đã kịp thời kiểm tra, điều chỉnh.

Trong quá trình thực hiện, phản hồi của giáo viên, học sinh và nhân dân đối với chương trình 5 năm cũng khác nhau. Một số giáo viên tán thành chương trình 5 năm ở miền núi, bởi vì thời gian kéo dài thêm một năm học thì giáo viên thấy dễ dạy, đồng thời có thêm thời gian để chuẩn bị kiến thức chắc chắn cho các em thi đỗ tốt nghiệp, trong khi đó, một số giáo viên lại

gặp khó khăn do phải giảng dạy theo cách phân phối chương trình mới, tài liệu còn thiếu hoặc chưa nhận thấy tác dụng thực tế nên không muốn kéo dài thêm một năm. Học sinh và nhân dân phần lớn đều tán thành chương trình 5 năm, nhưng số khác lại muốn học ngắn hạn hơn để nhanh chóng kết thúc chương trình hoặc do tập quán lấy vợ, lấy chồng sớm nên đã có thắc mắc về việc học theo chương trình mới hoặc muốn chuyển sang học trường khác.

Đến năm 1959, theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, ngành giáo dục bắt đầu thực hiện chính sách “Tận lực phát triển giáo dục phổ thông” (11) nhằm phát triển giáo dục theo quy mô lớn, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho sự nghiệp kiến thiết miền Bắc và chi viện cho miền Nam. Bởi vậy, nếu tiếp tục kéo dài thời gian học tập của học sinh thì sẽ ảnh hưởng đến số lượng học sinh cần phải tốt nghiệp phổ thông cấp I, chuẩn bị lên cấp II hoặc ra trường tiếp tục lao động sản xuất và chiến đấu.

Chính vì thế, sau 3 năm thực hiện thí điểm chương trình cấp I 5 năm ở miền núi, Bộ Giáo dục nhận thấy chủ trương này

không còn thích hợp với tình hình thực tế dân tộc và không phù hợp với chính sách “Tận lực phát triển giáo dục phổ thông” đối với sự nghiệp giáo dục, do vậy ngày 17-9-1959, Bộ Giáo dục đã ra Chỉ thị số 897/PT-01 *Về việc chuyển tiếp chương trình 5 năm sang chương trình 4 năm ở các trường cấp I miền núi*. Theo đó, các lớp 1, 2, 3, 4B chuyển sang học theo 4 lớp của cấp I theo trình tự như sau:

- Lớp 1 học lên lớp 2.
- Lớp 2 học lên lớp 3.
- Lớp 3 học lên lớp 4.
- Lớp 4B học chương trình lớp 4.

Học sinh hoàn thành chương trình lớp 4A được chuyển lên lớp 5- cấp II phổ thông theo đúng quy định.

Căn cứ vào chương trình cấp I phổ thông đã được ban hành, các lớp học theo chương trình 5 năm không cần học chuyển tiếp đối với các môn: Văn, Sử, Địa. Riêng đối với môn Toán, để học sinh tiếp thu tốt chương trình Toán lớp 4, các trường tổ chức cho học sinh hoàn thành chương trình còn lại trong lớp 4B cũ. Các Sở và Ty Giáo dục hướng dẫn các trường thực hiện chương trình chuyển tiếp, trước hết là giúp học sinh nắm được kiến thức cơ bản trong chương trình chuyển tiếp để theo kịp các lớp sau.

Như vậy, việc thực hiện chương trình cấp I 5 năm được thực hiện ở miền núi phía Bắc từ năm 1957 đến năm 1959. Từ năm học 1959-1960, các trường này chính thức chuyển sang thực hiện chương trình cấp I 4 năm theo quy định của khung nội dung chương trình và biên chế năm học của cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai.

4. Nhận xét

Trong quá trình thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai năm 1956, căn cứ vào thực tế tình hình địa phương, Bộ Giáo dục đã cho thực hiện chương trình phổ thông cấp I cải cách 5 năm ở 7 tỉnh miền núi và Khu Tự trị Thái Mèo (sau này có thời gian gọi là Khu tự trị Tây Bắc) từ năm học 1957-1958. Chương trình giảng dạy bằng

tiếng dân tộc chỉ được thực hiện trong năm học 1956-1957 ở Khu tự trị Thái Mèo. Chương trình dạy bằng tiếng phổ thông chính thức được thực hiện trong hai năm, từ năm học 1957-1958 đến năm học 1958-1959 ở 8 trường thuộc 8 tỉnh khu vực miền núi phía Bắc với trên 1.200 học sinh cấp I.

Đặc điểm của chương trình này là thời gian học cấp I tăng hơn 1 năm so với các tỉnh miền xuôi và nội dung chương trình vẫn giữ nguyên nhưng nội dung kiến thức được giảm nhẹ hơn bằng cách giảm bớt hoặc chuyển lên lớp trên một số kiến thức lớp 1, 2, 3 và tách chương trình lớp 4 (nội dung được coi là nặng nhất đối với cấp I) dạy trong hai năm để phù hợp hơn với trình độ, điều kiện học tập của học sinh miền núi. Đến năm 1959, xét thấy việc thực hiện chương trình không còn phù hợp nữa nên Bộ Giáo dục đã chính thức dừng thực hiện chương trình cấp I 5 năm và thống nhất tiến hành giảng dạy nội dung chương trình cấp I 4 năm trên toàn miền Bắc.

Thời gian thực hiện chương trình chính thức là qua hai năm học 1957-1958, 1958-1959; tuy không phải là khoảng thời gian dài nhưng cũng giúp ngành giáo dục có thể đánh giá bước đầu kết quả của việc thực hiện chương trình này. Mặc dù có một vài hạn chế nhất định như đã trình bày ở trên, song có thể khẳng định rằng việc triển khai chương trình cấp I 5 năm ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã mang lại những kết quả thiết thực, trong đó điều kiện tiên quyết là việc đảm bảo chất lượng giáo dục học sinh. Những kết quả này có ý nghĩa quan trọng, góp phần làm cho giáo dục trên những địa bàn còn nhiều khó khăn về mọi mặt như ở miền núi phía Bắc từng bước tiến kịp miền xuôi, nhất là trong những năm đầu thực hiện chủ trương của cuộc cải cách lần thứ hai năm 1956. Qua việc thực hiện chương trình này, ngành giáo dục cũng rút ra được kinh nghiệm, đồng thời tạo tiền đề cần thiết cho sự nghiệp xây dựng và phát triển giáo dục

phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất đất nước.

Việc thực hiện chương trình thí điểm này cũng cho thấy sự cẩn trọng - một điều rất đáng để suy ngẫm trong sự nghiệp trồng người của ngành giáo dục miền Bắc trong việc thực hiện các chủ trương của cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai. Thay vì việc đồng loạt thực hiện chương trình cải cách tại cùng một thời gian ở tất cả các địa phương trên toàn miền Bắc thì việc thực hiện hai chương trình trong cùng một hệ thống giáo dục ở miền núi như vậy là chưa có tiền lệ trong lịch sử. Song, ngành giáo dục miền Bắc đã thể hiện sự đúng đắn khi quyết định thực hiện đúng lúc và đúng thời điểm khi đã đạt được hiệu quả nhất định trong thời gian đầu và không còn phù hợp với tình hình và yêu cầu mới của đất nước đặt ra đối với sự nghiệp phát triển giáo dục. Đây là một sự linh hoạt, sáng tạo và phù hợp với thực tiễn của

ngành giáo dục miền Bắc trong quá trình tiến hành cuộc cải cách.

Quá trình thực hiện chương trình cấp I 5 năm đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt và khẳng định sự đúng đắn, sáng suốt của Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục đối với sự nghiệp phát triển giáo dục miền núi. Bên cạnh đó, việc thực hiện chương trình cấp I 5 năm ở miền núi phía Bắc còn góp phần khẳng định vai trò, ý nghĩa của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước nói chung, chính sách giáo dục đối với miền núi, vùng dân tộc ít người và rất ít người nói riêng trong một giai đoạn quan trọng của lịch sử nước nhà. Bởi vậy, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số lại càng cần phải đặc biệt chú ý, quan tâm và đúc rút kinh nghiệm từ các giai đoạn trước để tiếp tục đổi mới và chấn hưng nền giáo dục phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

CHÚ THÍCH

(1). Trẻ em phải học qua lớp Võ lòng để biết đọc, biết viết, đếm được từ 1 đến 10 mới được vào lớp 1.

(2). Nghị định số 1027/TTg ngày 27-8-1956 ban hành Bản Chính sách giáo dục phổ thông của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

(3). Nguyễn Hữu Chí, *Quá trình phát triển lý luận chương trình giáo dục phổ thông ở Việt Nam*, Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 13.

(4). Hoàng Ngọc Di, “Giới thiệu chương trình cấp Một năm năm ở miền núi”, Tạp chí *Giáo dục nhân dân*, số 16, năm 1956 tr. 17.

(5). Về quốc văn thì yêu cầu môn Tập đọc và Học thuộc lòng có giảm bớt. Toán lớp 3 bớt đi một vài mục như đơn vị đo diện tích, hình chữ nhật, hình vuông, hình tam giác, tính chất giao hoán của phép nhân và tính nhẩm vấn đề chia phần theo tỷ lệ thuận, chuyển động đều, gặp nhau đơn giản trong toán ứng dụng; đồng thời, đưa những phần này lên lớp 4.

(6). Hoàng Ngọc Di, “Giới thiệu chương trình cấp Một năm năm ở miền núi”, Tạp chí *Giáo dục nhân dân*, số 16, 1956, tr.18.

(7). Chỉ thị số 1115 PT/01 của Bộ Giáo dục, Nha Giáo dục phổ thông gửi Khu tự trị Thái Mèo, Việt Bắc, các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hòa Bình, Tuyên Quang, Yên Bái.

(8). Cao Bằng có 2 dân tộc ở gần nhau (Thổ và Nùng) nên Nha Giáo dục phổ thông đã tiến hành thí điểm ở cả 2 trường nhằm tránh tình trạng so sánh, nghi ngờ không lợi cho đoàn kết dân tộc.

(9). Trong năm học 1958-1959, riêng tỉnh Hà Giang không nhận được báo cáo, nên chỉ có số liệu của 7 tỉnh.

(10). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Phòng Bộ Giáo dục, Hồ sơ số 2992: Chỉ thị công văn, báo cáo của Bộ Giáo dục và Nha Giáo dục phổ thông chỉ đạo việc thực hiện chương trình giáo dục cấp I 5 năm ở miền núi năm học 1958-1959.

(11). Tháng 6-1959, Hội nghị toàn ngành do Bộ Giáo dục triệu tập tại Hà Nội đã chính thức thông qua chính sách “Tận lực phát triển giáo dục phổ thông” gồm hai nội dung chính: tận lực phát triển ngành giáo dục phổ thông và tích cực nâng cao chất lượng của ngành.